

NHIỆM VỤ
CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG (TVGS)

**GÓI THẦU TVGS6-NBLC-2025: TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG SỬA CHỮA
HƯ HỎNG MẶT ĐƯỜNG VÀ HỆ THỐNG ATGT NÚT GIAO IC3, IC6, IC10, IC12
VÀ CÁC VỊ TRÍ MẶT ĐƯỜNG BỊ HƯ HỎNG THUỘC TUYẾN
CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số 770 /QĐ-VEC ngày 18 /07/2025)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ GTVT về việc Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Quyết định 1666/QĐ-BGTVT ngày 17/06/2010 của Bộ GTVT về việc thành lập công ty Mẹ - Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;
- Quyết định số 3789/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016 của Bộ GTVT về việc Phê duyệt phương án tài chính 05 dự án đường cao tốc do Tổng công ty ĐTPT đường cao tốc Việt Nam làm chủ đầu tư;
- Văn bản số 6553/BGTVT-CQLXD ngày 29/6/2022 của Bộ GTVT về việc thống nhất mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán trong giai đoạn thực hiện dự án các dự án kết cấu hạ tầng giao thông do Bộ GTVT quản lý;
- Quyết định số 641/QĐ-VEC-HĐTV ngày 12/10/2016 của Hội đồng thành viên VEC về việc ban hành Quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu trong các dự án do VEC làm Chủ đầu tư;
- Quyết định số 739/QĐ-VEC-HĐTV ngày 09/7/2025 của Hội đồng thành viên VEC về việc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ cho Ban Quản lý khai thác;
- Quyết định số 1131/QĐ-VEC-HĐTV ngày 25/12/2024 của Hội đồng thành viên VEC về việc Phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và thu phí năm 2025 các tuyến đường cao tốc do VEC quản lý khai thác;

- Căn cứ Quyết định số 720/QĐ-VEC ngày 02/07/2025 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT nút giao IC3, IC6, IC10, IC12 và các vị trí mặt đường bị hư hỏng thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai;

- Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-VEC-HĐTV ngày 15/07/2025 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc công trình: Sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT nút giao IC3, IC6, IC10, IC12 và các vị trí mặt đường bị hư hỏng thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

II. GIỚI THIỆU CHUNG:

+ **Tên công trình:** Sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT nút giao IC3, IC6, IC10, IC12 và các vị trí mặt đường bị hư hỏng thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

+ **Địa điểm xây dựng:** Trên tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

+ **Loại, cấp công trình:** Dự án nhóm C, Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

+ **Chủ đầu tư:** Tổng công ty Đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam (VEC).

+ **Tổ chức thực hiện quản lý dự án:** Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành dự án.

+ **Tổ chức Tư vấn thiết kế:** Công ty Cổ phần Tư vấn đường cao tốc Việt Nam.

+ **Nguồn vốn:** Nguồn vốn quản lý khai thác tuyến đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai năm 2025 được xác định trong phương án tài chính dự án, tại quyết định số 3789/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016 và Quyết định số 2323/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải. Kế hoạch bố trí vốn: Được phê duyệt tại Quyết định số 1131/QĐ-VEC-HĐTV ngày 25/12/2024 của Hội đồng thành viên VEC về việc phê duyệt kế hoạch Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và thu phí năm 2025 các tuyến đường cao tốc do VEC quản lý khai thác.

1. Quy mô và giải pháp thiết kế tổng thể

1.1. **Quy mô:** Sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT trên tuyến chính và nút giao IC3, IC6, IC10, IC12.

1.2. Giải pháp thiết kế:

a. **Kết cấu sửa chữa mặt đường tuyến chính:**

Theo kết quả khảo sát các vị trí mặt đường xuất hiện bong tróc, nứt vỡ, nứt lưới, hằn lún vệt bánh xe dạng đầy trôi nặng cả 2 lớp BTN, khi tiến hành khoan mẫu cho kết quả lớp BTN bên dưới kết cấu rời rạc, mất liên kết, lớp nhựa có hiện tượng lão hóa kết hợp mỗi của vật liệu do dưới tác dụng của tải trọng trùng phức tác dụng lên mặt đường. Trong quá trình khai thác nước ngấm xuống kết cấu mặt đường qua khe nứt gây mất liên kết, lão hóa thành phần nhựa. Do đó, tiến hành sửa chữa mặt đường với kết cấu SC02 như sau:

+ Cào bóc lớp BTN cũ bị hư hỏng dày 15cm, vệ sinh bề mặt;

+ Tưới thấm bảm nhũ tương nhựa đường axit 1,0kg/m²;

+ Lớp BTNC19 dày 10cm;

+ Tưới dính bảm nhũ tương nhựa đường polime 0,5kg/m²;

+ Lớp BTNC Polime 16 dày 5cm.

b. **Kết cấu sửa chữa mặt đường nút giao, trạm dừng nghỉ:**

- Đối với mặt đường thuộc tuyến nhánh nút giao bong tróc, nứt vỡ, nứt lưới, hằn lún vệt bánh xe dạng đầy trôi nặng $2,5\text{cm} \leq H < 7\text{cm}$ cả 2 lớp BTN, tiến hành sửa chữa mặt đường với kết cấu SC01 như sau: 卍

- + Cào bóc lớp BTN cũ bị hư hỏng dày 12cm, vệ sinh bề mặt;
- + Tưới thấm bảm nhũ tương nhựa đường axit 1,0kg/m²;
- + Lớp BTNC19 dày 7cm;
- + Tưới dính bảm nhũ tương nhựa đường polime 0,5kg/m²;
- + Lớp BTNC Polime 16 dày 5cm.

- Đối với mặt đường trạm dừng nghỉ bong tróc, nứt vỡ, nứt lưới, hằn lún vệt bánh xe dạng đầy trời nặng, tiến hành sửa chữa với kết cấu SC05 như sau:

- + Cào bóc lớp BTN cũ bị hư hỏng dày 12cm, vệ sinh bề mặt;
- + Lớp lưới địa kỹ thuật sợi cốt thủy tinh gia cường;
- + Tưới thấm bảm nhũ tương nhựa đường axit 1,0kg/m²;
- + Lớp BTNC19 dày 7cm;
- + Tưới dính bảm nhũ tương nhựa đường polime 0,5kg/m²;
- + Lớp BTNCP 16 dày 5cm.

- Đối với mặt đường trạm dừng nghỉ bong bật BTN cục bộ, hằn lún vệt bánh xe dạng đầy trời nặng, tiến hành sửa chữa với kết cấu SC06 như sau:

- + Đào nền đường cũ dày 52cm;
- + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 40cm ;
- + Lớp lưới địa kỹ thuật sợi cốt thủy tinh gia cường;
- + Tưới thấm bảm nhũ tương nhựa đường axit 1,0kg/m²;
- + Lớp BTNC19 dày 7cm;
- + Tưới dính bảm nhũ tương nhựa đường polime 0,5kg/m²;
- + Lớp BTNCP 16 dày 5cm.

c. Hệ thống an toàn giao thông:

Hoàn trả vạch sơn đối với các đoạn xử lý hư hỏng mặt đường cào bóc và thảm hoàn trả lớp mặt bê tông nhựa, đảm bảo theo QCVN 41:2024/BGTVT, cụ thể:

- Vạch sơn phân làn, mép đường, mũi tên chỉ hướng dày 2mm (màu trắng);
- Vạch sơn 2.1 màu trắng, dày 2mm;
- Vạch sơn 3.1a màu trắng, bề rộng nét vẽ b=0,20m, dày 2mm;
- Vạch sơn 1.3 màu vàng, bề rộng nét vẽ b=0.15m, dày 2mm;
- Vạch sơn 9.3 màu trắng, dày 2mm.
- Vạch sơn giảm tốc màu vàng, bề rộng nét vẽ b=0,20m, dày 4mm.

(Chi tiết theo Hồ sơ Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật).

2. Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng

Khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-VEC ngày 02/07/2025 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT nút giao IC3, IC6, IC10, IC12 và các vị trí mặt đường bị hư hỏng thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Một số tiêu chuẩn chính được tham chiếu như sau:

tt

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
1.	Đường ô tô cao tốc - yêu cầu thiết kế	TCVN 5729 : 2012
2.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2024 BGTVT
3.	Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
4.	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
5.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường.	TCVN 13567-1:2022
6.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu – Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường Polime.	TCVN 13567-2:2022
7.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
8.	Áo đường mềm, các tiêu chuẩn và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
9.	Sơn tín hiệu giao thông - Bi thủy tinh dùng cho vạch kẻ đường - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 9880:2013
10.	Sơn tín hiệu giao thông - Xóa vạch kẻ đường - Thi công và nghiệm thu	TCCS 30:2020/TCĐBVN
11.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ	TCVN12584:2019
12.	Nhũ tương nhựa đường a xít – Phương pháp thử	TCVN 8817- (1÷15): 2011
13.	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ- Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
14.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
15.	Nhựa đường Polyme - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 11193:2021
16.	Nhũ tương nhựa đường polime gốc Axit	TCVN 8816:2011
17.	Nhũ tương nhựa đường kiềm - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13506:2022
18.	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13049:2020
19.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
20.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo- Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.	TCVN 8791:2011
21.	Kỹ thuật sửa chữa mặt đường bê tông nhựa trên các tuyến quốc lộ đang khai thác	QĐ số 1472/QĐ-BGTVT ngày 23/5 /2017
22.	Giải pháp kỹ thuật sửa chữa, xử lý khắc phục hư hỏng “hằn lún vết bánh xe” sau khi đưa công trình vào khai thác.	QĐ số 7873/QĐ-BGTVT ngày 19/06/2015
23.	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
24.	Tiêu chuẩn QL&KT đường cao tốc – Tuàn đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc	TCCS 16:2016/TCĐBVN
25.	Hạng mục công trình phòng hộ trên đường cao tốc - Yêu cầu thiết kế và thi công	TCCS 20:2018/TCĐBVN
26.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
27.	Các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan khác	

th

Trong quá trình triển khai, Tư vấn giám sát cần nghiên cứu và đề xuất Chủ đầu tư xem xét, cập nhật điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn mới áp dụng cho gói thầu đảm bảo việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong thiết kế, thi công công trình tuân thủ với quy định của pháp luật (nếu cần thiết).

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT:

Công tác TVGS xây dựng tuân thủ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII; Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; và các quy định hiện hành khác.

1. Mục tiêu:

Mục tiêu chính của dịch vụ tư vấn là đảm bảo chất lượng cao nhất có thể cho công trình. Để đạt được mục tiêu này, cần phải thông qua công tác giám sát chặt chẽ Nhà thầu xây dựng nhằm đảm bảo tất cả các hạng mục công trình được thực hiện đầy đủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế và các tài liệu hợp đồng khác.

Mục tiêu thứ hai là tạo điều kiện thực hiện các hợp đồng xây dựng thông qua phối kết hợp và quan hệ cần thiết với tất cả các cơ quan hữu quan như Chủ đầu tư, Cơ quan thực hiện dự án (đại diện chủ đầu tư), Tư vấn thiết kế, TVGS, Nhà thầu xây dựng các cơ quan chính quyền địa phương.

2. Yêu cầu:

2.1. Hệ thống quản lý chất lượng của TVGS:

TVGS xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và tổ chức văn phòng giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của dự án, cụ thể:

- Bố trí 01 văn phòng tại hiện trường, để làm cơ sở giám sát, đánh giá;
- Số lượng và cơ cấu nhân sự trong văn phòng sẽ bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng: Căn cứ vào tiến độ thực hiện cụ thể của gói thầu xây lắp, TVGS sẽ bố trí lực lượng tư vấn có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu tại từng thời điểm để thực hiện công tác giám sát.
- Đối với các nhân sự chủ yếu thực hiện gói thầu TVGS cần đảm bảo tối thiểu:

STT	Vị trí	Số lượng	Kinh nghiệm	Chứng chỉ hành nghề	Ghi chú
1	Giám sát trưởng	01	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 15 năm kinh nghiệm, đã làm Giám sát trưởng ít nhất 02 công trình làm mới/sửa chữa mặt đường giao thông có sử dụng Bê tông nhựa nóng trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng I còn hiệu lực.	Phải được huy động toàn bộ thời gian từ ngay sau khi hợp đồng TVGS có hiệu lực đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Từ thời gian bảo hành đến hết thời gian thực hiện nghĩa vụ hợp đồng TVGS sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.

tt

STT	Vị trí	Số lượng	Kinh nghiệm	Chứng chỉ hành nghề	Ghi chú
2	Giám sát vật liệu	01	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 07 năm kinh nghiệm, đã làm Tư vấn giám sát thi công ít nhất 02 công trình làm mới/sửa chữa mặt đường giao thông có sử dụng Bê tông nhựa nóng và sửa chữa hệ thống ATGT như sơn kẻ đường, đỉnh phản quang... trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng II trở lên còn hiệu lực.	Được huy động toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
3	Giám sát viên	Ít nhất 03	Năng lực kinh nghiệm đảm bảo ít nhất 07 năm kinh nghiệm, đã làm Tư vấn giám sát thi công ít nhất 02 công trình làm mới/sửa chữa mặt đường giao thông có sử dụng Bê tông nhựa nóng trên đường Quốc lộ hoặc đường cao tốc trong 05 năm gần đây.	Có chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông hạng II trở lên còn hiệu lực.	Được huy động toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.

- Trong quá trình thực hiện giám sát xây dựng công trình, các vị trí tư vấn thay thế, điều chỉnh phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

2.2. Yêu cầu và nội dung công tác giám sát về chất lượng thi công:

2.2.1. Yêu cầu công tác giám sát về chất lượng thi công:

- Lập và phát hành các biểu mẫu nghiệm thu các hạng mục thi công, nghiệm thu chuyển giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành cho Nhà thầu thi công;

- Phòng tránh, ngăn ngừa, khống chế, quản lý rủi ro, không để xảy ra những ảnh hưởng xấu đến chất lượng xây dựng công trình;

- TVGS sẽ thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ và nội dung giám sát, kiểm tra phù hợp yêu cầu về nội dung công việc và tiến độ thi công của nhà thầu thi công; đảm bảo yêu cầu vừa giám sát, kiểm tra chặt chẽ vừa phối hợp và hướng dẫn các nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp phòng tránh hoặc giải quyết, xử lý tốt các vấn đề trong quá trình thi công, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu chất lượng theo quy định;

- Kiểm soát chặt chẽ và tư vấn cho Chủ đầu tư trong việc kiểm định chất lượng khi có nghi ngờ.

2.2.2. Nội dung công tác giám sát về chất lượng thi công:

Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công, cụ thể:

- Kiểm tra, rà soát lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về phương án giải quyết

những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định;

- Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra, rà soát, ký xác nhận tiến độ thi công tổng thể, chi tiết... và trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư phê duyệt;

- Căn cứ các hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của Nhà thầu, thẩm tra, rà soát và có ý kiến trình Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư xem xét quyết định; thực hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của Nhà thầu; thẩm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công và dự toán của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với nội dung và điều kiện quy định trong hồ sơ hợp đồng;

- Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng;

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác);

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công: hệ thống tổ chức các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường); phương pháp, quy trình kiểm soát chất lượng, các quy định cụ thể đối với từng bộ phận trong hệ thống quản lý chất lượng;

- Kiểm tra và xác nhận báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu thi công theo quy định trong hồ sơ hợp đồng, bao gồm cả chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực đối với các thiết bị thí nghiệm; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên....

Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công:

- Giám sát chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị, sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) cần thiết cung cấp cho dự án, công trình tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển ngay khỏi công trường;

- Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, chế tạo và bảo dưỡng, bảo quản mẫu, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu (nếu cần thiết) và xác nhận vào phiếu thí nghiệm;

- Kiểm tra phương pháp, trình tự thi công của nhà thầu thi công đối với từng hạng mục công trình, công trình (bao gồm cả các hạng mục, công trình phụ trợ: đà giáo, ván khuôn...) đảm bảo tuân thủ biện pháp thi công do cấp có thẩm quyền đã phê duyệt theo quy định.

- Kịp thời kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng công việc, hạng mục công trình, công trình theo đúng quy định trong hợp đồng, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định hiện hành

ngay khi có thư yêu cầu từ nhà thầu thi công, không được chậm trễ hoặc tự ý kéo dài thời gian xử lý mà không báo cáo Chủ đầu tư;

- Khi phát hiện nhà thầu có vi phạm, sai phạm (sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng nhỏ, cục bộ) trong quá trình thi công về chất lượng, an toàn... phải yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công và khắc phục ngay hoặc thực hiện đúng hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư. Sau khi tạm dừng thi công, phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét quyết định;

- Khi phát hiện hoặc xảy ra các sự cố hư hỏng các bộ phận công trình, phải tạm đình chỉ thi công và lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với Chủ đầu tư. Tùy theo mức độ sự cố, thẩm tra giải pháp khắc phục theo đề xuất của nhà thầu thi công hoặc phối hợp với nhà thầu để đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả, trình Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét, giải quyết theo quy định;

- Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành;

- Xác nhận bằng biên bản hoặc văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt.

2.3. Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công:

- Căn cứ theo bảng tiến độ thi công tổng thể, rà soát tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình thi công đối với từng hạng mục công việc, hạng mục công trình và công trình đảm bảo phù hợp với tiến độ đã quy định. Trường hợp tiến độ thi công thực tế của một hoặc một số hạng mục công việc, công trình bị chậm so với tiến độ chi tiết, cần yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của gói thầu, dự án, báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét chấp thuận; đồng thời kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ yêu cầu khi điều chỉnh;

- Phối hợp với nhà thầu thi công để đề xuất hoặc kiểm soát đề xuất của nhà thầu thi công về các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công trên nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý;

- Trường hợp tổng tiến độ của thi công gói thầu, dự án bị kéo dài so với quy định của hợp đồng, thì TVGS phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công và các yếu tố khách quan khác, báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của hợp đồng hoặc dự án theo quy định;

- Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công tối thiểu 01 lần một tuần/tháng; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với Chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết;

- Xác nhận việc kéo dài hoặc rút ngắn tiến độ của nhà thầu thi công làm cơ sở để Chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xem xét việc thưởng, phạt hoặc các hình thức xử lý theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

2.4. Giám sát về khối lượng, chi phí xây dựng:

- Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu thi công lập và trình, giá trị vật tư trên công trường hoặc giá trị bán thành phẩm (nếu có); đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng;

- Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của Chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư xem xét chấp thuận;

- Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh giá, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của Chủ đầu tư trong việc lập, thẩm tra dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Cùng Chủ đầu tư thương thảo phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Đề xuất với Chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

2.5. Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường;

- Kiểm tra, chấp thuận hồ sơ thiết kế về tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường khi thi công xây dựng của nhà thầu;

- Kiểm tra, chấp thuận hệ thống quản lý kiểm soát của nhà thầu thi công về công tác an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; kiểm tra việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho các cá nhân tham gia dự án của các Nhà thầu;

- Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời việc triển khai tại hiện trường của nhà thầu thi công về: Bố trí các phương tiện, dụng cụ, thiết bị thi công, phương pháp thi công... phù hợp với hồ sơ được duyệt; Biện pháp đảm bảo an toàn lao động (biện pháp phòng hộ, dụng cụ bảo hộ lao động, chế độ, thời gian làm việc...), biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (bố trí lực lượng cảnh giới, hướng dẫn, các biển báo, rào chắn, đèn tín hiệu...) và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy nổ, trong quá trình thi công theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, trước Pháp luật nếu để xảy ra các tai nạn, sự cố... do vi phạm về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường của Nhà thầu;

- Tạm dừng thi công khi nhà thầu thi công có dấu hiệu vi phạm về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, đồng thời yêu cầu, hướng dẫn nhà thầu thực hiện các biện pháp khắc phục. Chỉ cho phép tiếp tục thi công khi các điều kiện nêu trên đảm bảo quy định. Báo cáo với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư để quyết định đình chỉ thi công xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu;

- Trường hợp xảy ra sự cố lớn về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tiến hành lập biên bản, tạm đình chỉ thi công đồng thời có văn bản báo cáo và đề xuất với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư biện pháp xử lý, làm cơ sở để Chủ đầu tư

tu/Đại diện Chủ đầu tư báo cáo và phối hợp với các cơ quan chức năng về an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép nhằm đảm bảo yêu cầu tiến độ.

2.6. Những nội dung thực hiện khác của TVGS trong quá trình thi công

- Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công công trình;
- Lập báo cáo định kỳ (tuần/tháng), báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu/hạng mục công trình/công trình xây dựng và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi Chủ đầu tư. Các nội dung theo quy định tại Phụ lục IVa, IVb của nghị định 06/2021/NĐ-CP;
- Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, thẩm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư;
- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận đề trình Chủ đầu tư xem xét phê duyệt;
- Tham gia thành phần hội đồng nghiệm thu theo quy định;
- Phối hợp chặt chẽ với các thành phần của giám sát cộng đồng; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2.7. Giám sát trong giai đoạn bảo hành:

- Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng (nếu có);
- Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình.

2.8. Đối với những công việc, khối lượng phát sinh.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có bất kỳ sai khác hoặc không hợp lý nào so với Hồ sơ thiết kế được duyệt phải tạm dừng thi công và lập biên bản, hồ sơ thay đổi theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư, đề nghị Tư vấn thiết kế kiểm tra, khảo sát và thống nhất phương án xử lý.
- Căn cứ Hồ sơ phát sinh do đơn vị Tư vấn/Nhà thầu lập, TVGS tính toán, kiểm tra, xác nhận và báo cáo Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh (khối lượng tăng vượt quá khối lượng hợp đồng hoặc không có trong khối lượng hợp đồng) để chấp thuận theo quy định, tránh làm ảnh hưởng đến tiến độ gói thầu.

3. Sơ đồ tổ chức thực hiện:

- 3.1 Tổ chức TVGS tại hiện trường (Sơ đồ 1);
- 3.2 Sơ đồ các quy trình giám sát hiện trường (Sơ đồ 2);
- 3.3 Sơ đồ quản lý chất lượng (Sơ đồ 3);
- 3.4 Sơ đồ quản lý kiểm soát tiến độ (Sơ đồ 4);
- 3.5 Trình tự nghiệm thu (Sơ đồ 5 & 6);
- 3.6 Trình tự kiểm soát khối lượng và thanh toán (Sơ đồ 7);
- 3.7 Trình tự nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình đưa vào sử dụng (Sơ đồ 8).

✍

Sơ đồ 01: Tổ chức TVGS tại hiện trường

01 VĂN PHÒNG TVGS

- Đặt tại vị trí thích hợp trên tuyến cao tốc để thực hiện nhiệm vụ.
- Gồm: Giám sát trưởng, 01 Giám sát vật liệu, một số Giám sát viên hiện trường

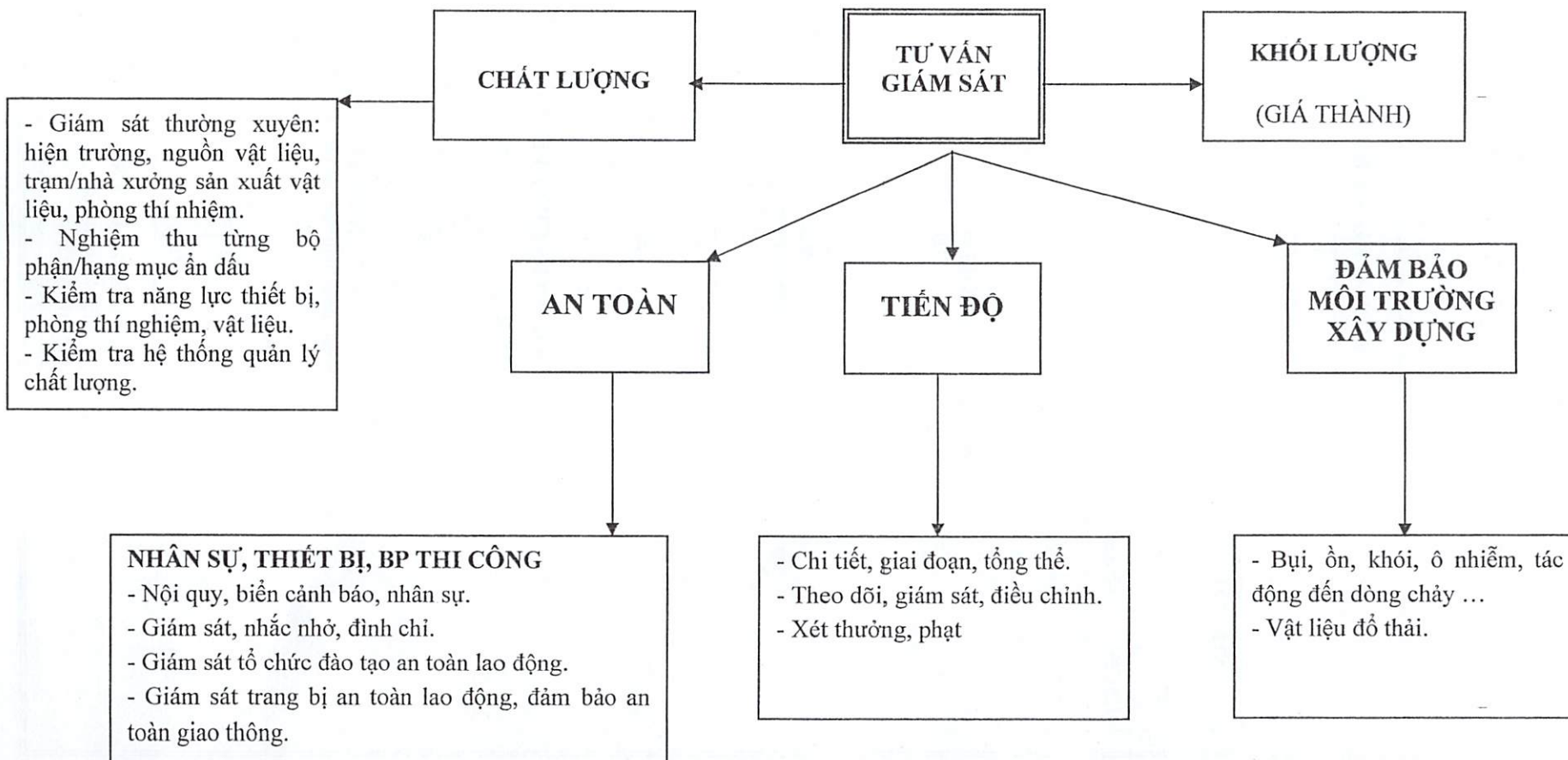
Các đoạn trên tuyến chính

TT	Chức danh	Thời gian huy động
1	Giám sát trưởng.	- Toàn bộ thời gian từ khi ký hợp đồng TVGS đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Từ thời gian bảo hành đến hết nghĩa vụ hợp đồng TVGS sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.
2	Giám sát vật liệu, Giám sát viên hiện trường	- Toàn bộ thời gian từ khi khởi công đến khi chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Trong thời gian bảo hành sẽ theo yêu cầu huy động của Chủ đầu tư.

Ghi chú: Nhân sự của nhà thầu TVGS tại văn phòng TVGS sẽ được trình kèm theo bảng Quyết định thành lập Văn phòng TVGS tại hiện trường. Văn phòng và nhân sự TVGS sẽ được huy động theo tiến độ gói thầu xây dựng được triển khai trên thực tế.

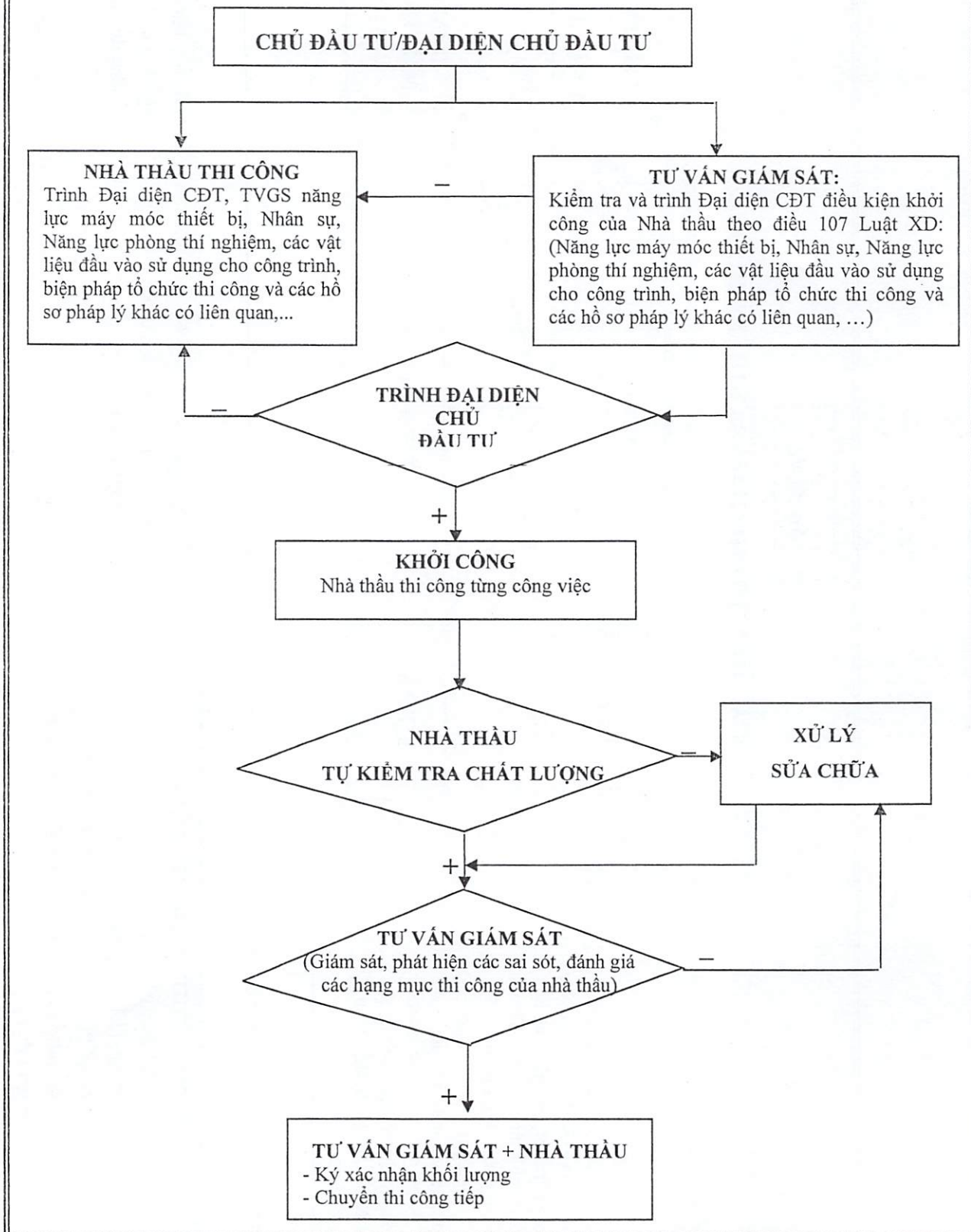
Sơ đồ 02

CÁC QUY TRÌNH GIÁM SÁT HIỆN TRƯỜNG



Sơ đồ 03

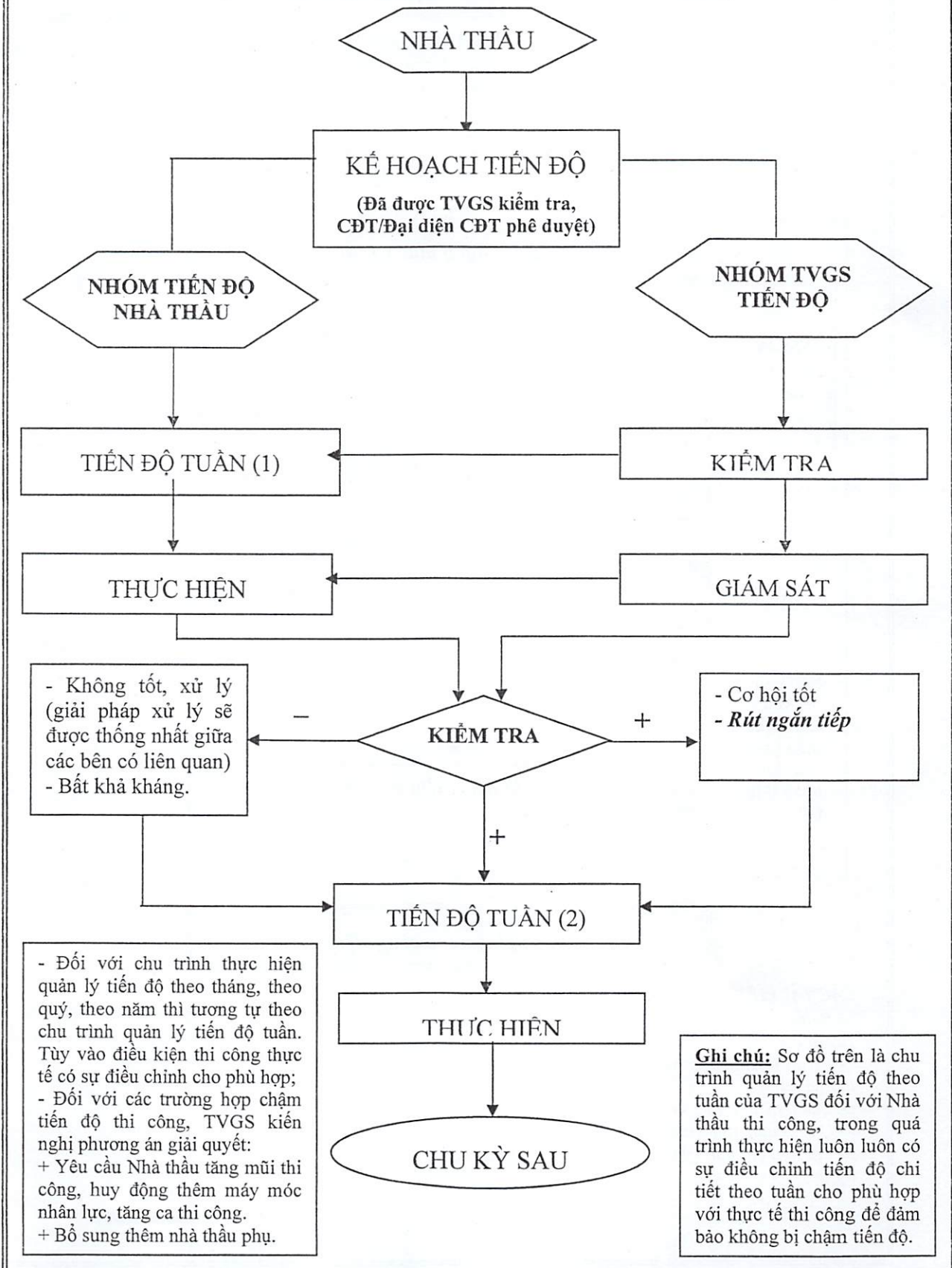
QUY TRÌNH GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG THI CÔNG



dt

Sơ đồ 04

QUY TRÌNH GIÁM SÁT, QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ



Sơ đồ 05

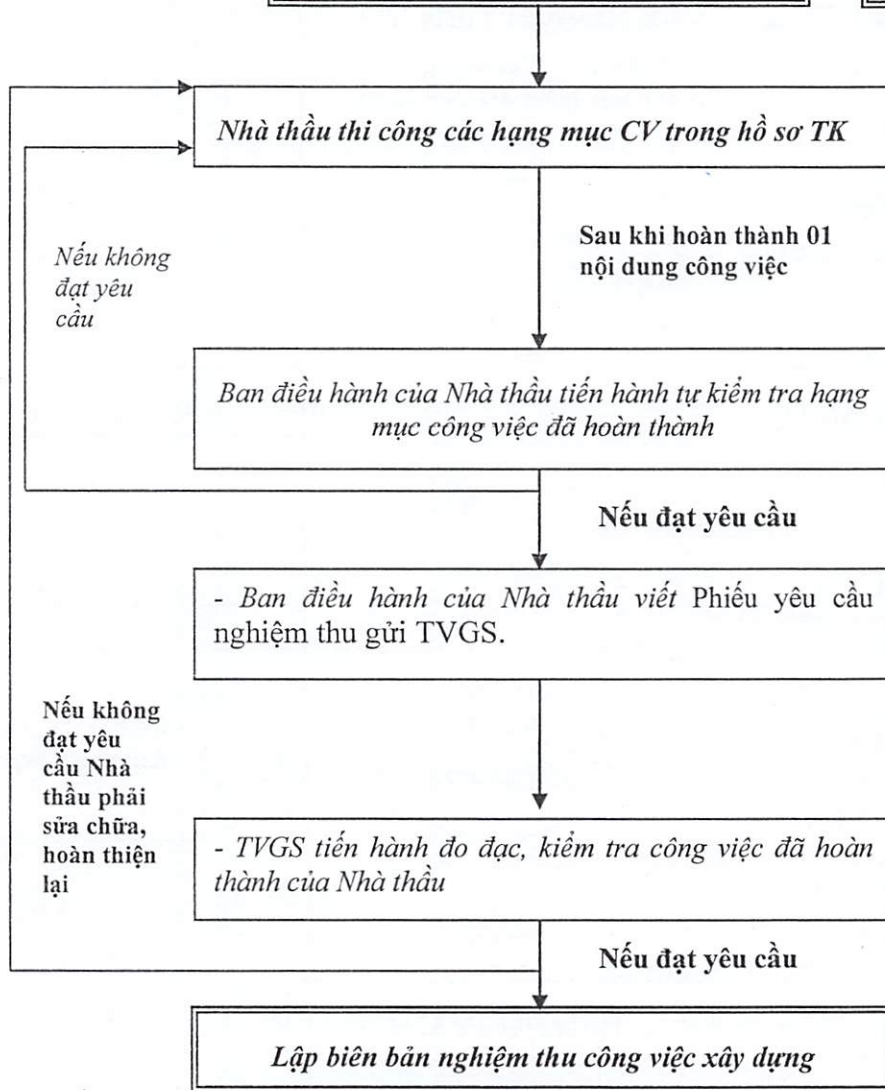
NGHIỆM THU CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

(Điều 21, Nghị định 06/2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào HSDT, chỉ dẫn kỹ thuật, BVTC đã được phê duyệt: Nhà thầu huy động máy móc, thiết bị, nhân lực,... và bắt đầu thi công. TVGS kiểm tra, xem xét.

Thành phần nghiệm thu bao gồm:

1. TVGS
2. Nhà thầu thi công



CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

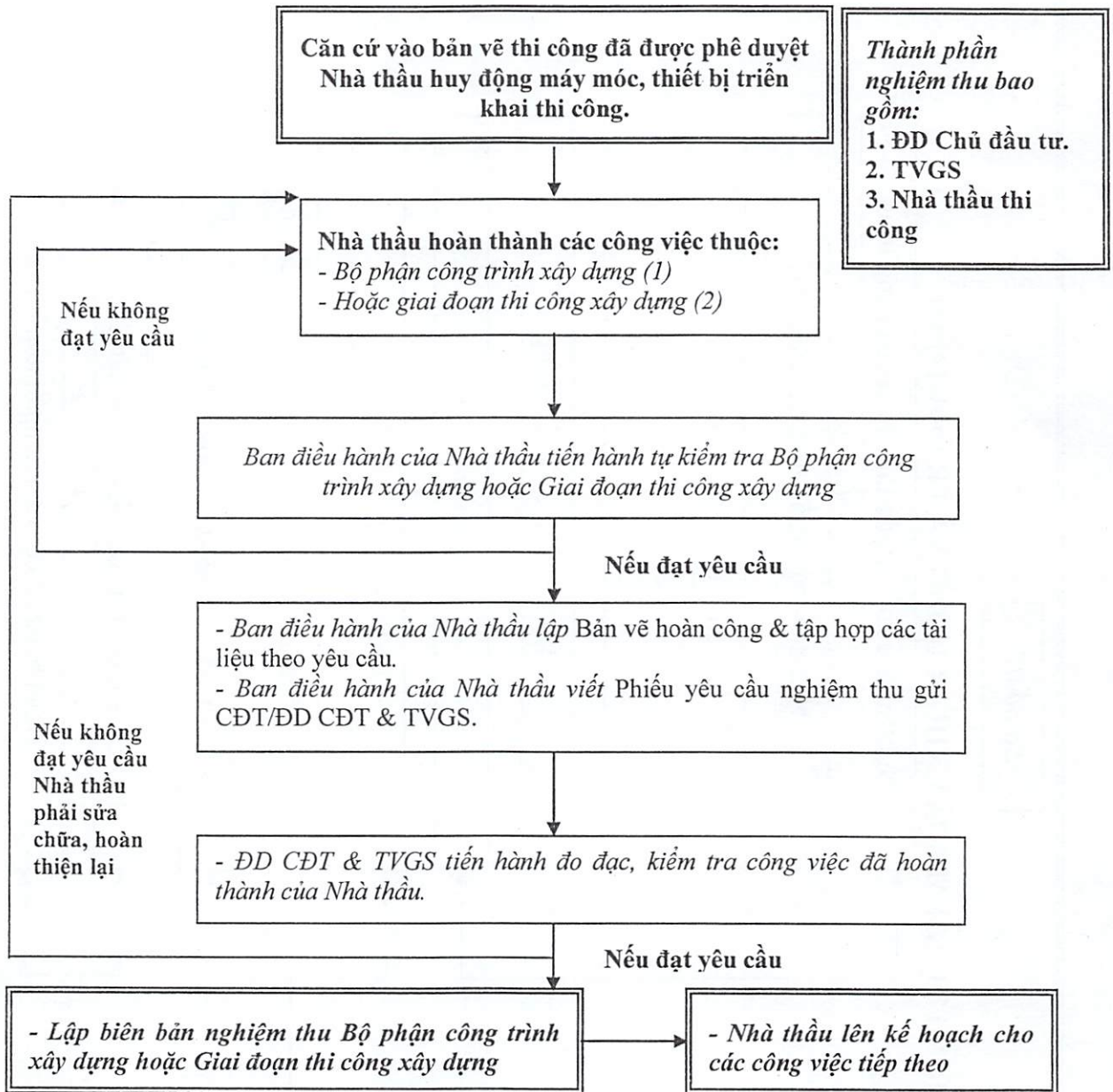
- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.

6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

7- Nhật ký thi công của Nhà thầu

Sơ đồ 06

NGHIỆM THU BỘ PHẬN CÔNG TRÌNH/ GIAI ĐOẠN THI CÔNG
(Điều 22. nghị định 06/2021/NĐ-CP)



*Thành phần
nghiệm thu bao
gồm:*
1. ĐD Chủ đầu tư.
2. TVGS
3. Nhà thầu thi
công

CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.
- 6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

7- Nhật ký thi công của Nhà thầu;

8- Biên bản nghiệm thu các công việc thuộc Bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu.

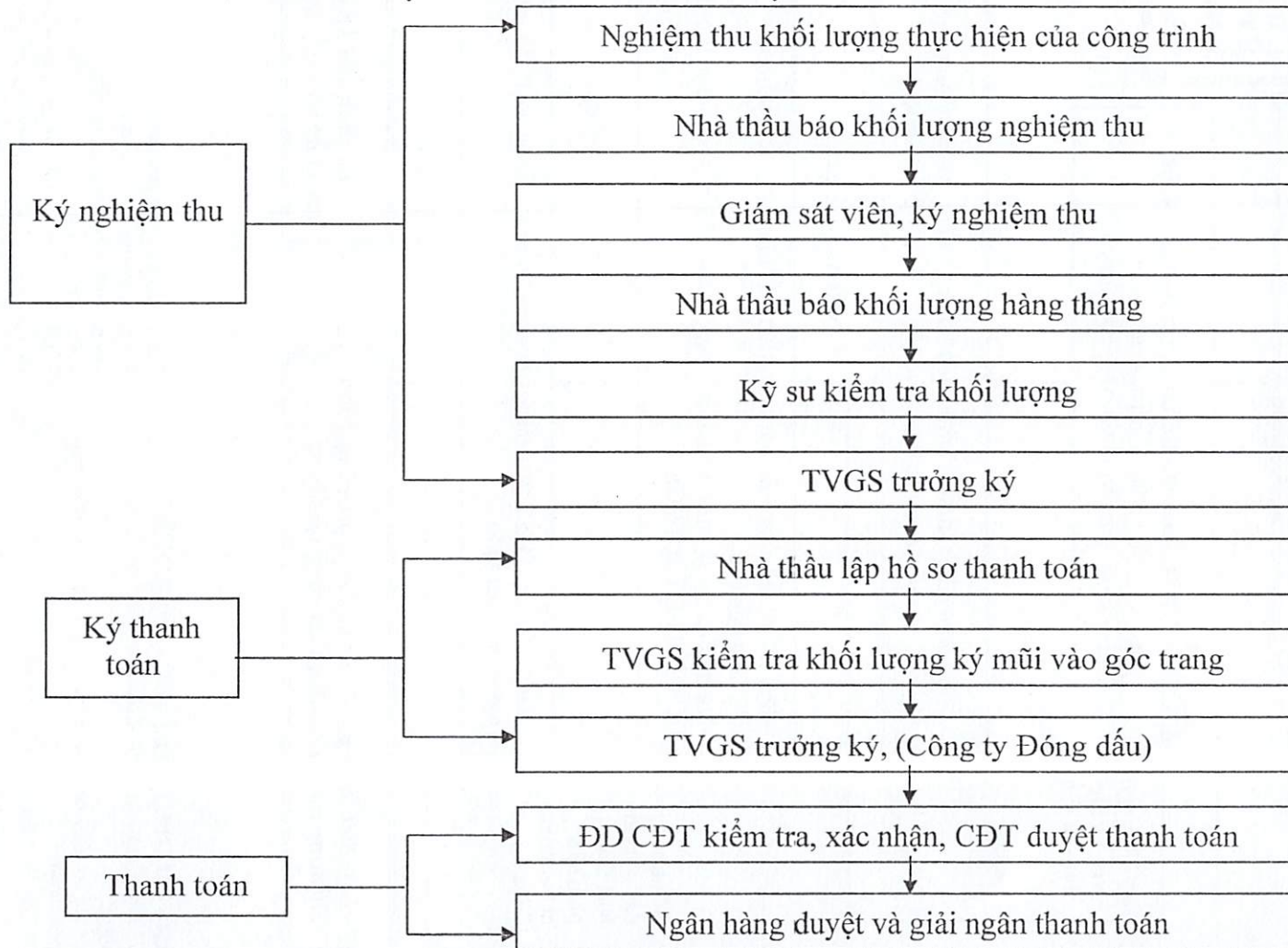
9- Bản vẽ hoàn công Bộ phận công trình xây dựng.

10. Công tác chuẩn bị các công việc để triển khai giai đoạn thi công xây dựng tiếp theo.

At

Sơ đồ 07

TRÌNH TỰ KIỂM SOÁT KHỐI LƯỢNG VÀ THANH TOÁN

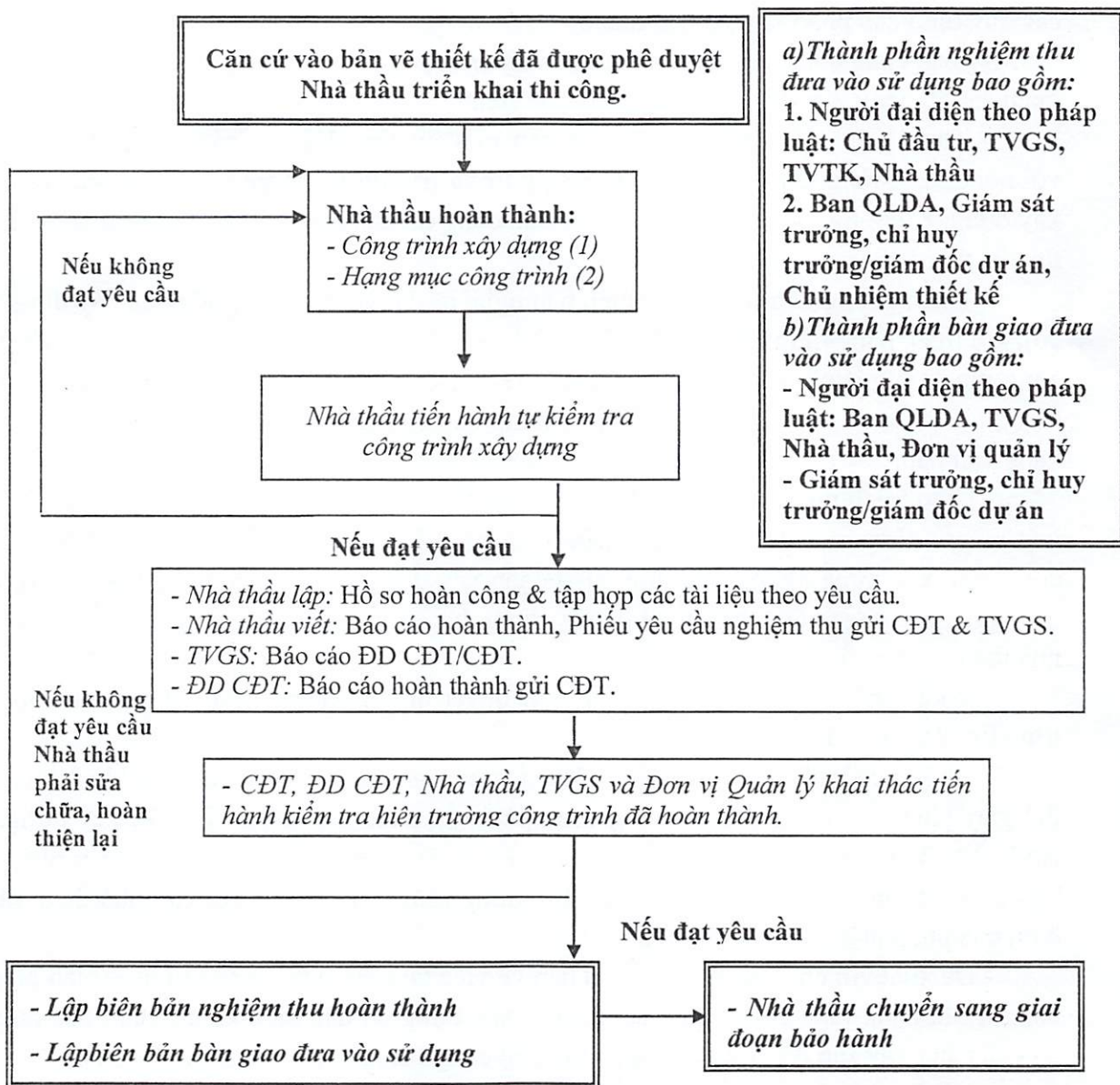


dt

Sơ đồ 08

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH/ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

(Điều 23, nghị định 06/2021/NĐ-CP)



- a) Thành phần nghiệm thu đưa vào sử dụng bao gồm:
1. Người đại diện theo pháp luật: Chủ đầu tư, TVGS, TVTK, Nhà thầu
 2. Ban QLDA, Giám sát trưởng, chỉ huy trưởng/giám đốc dự án, Chủ nhiệm thiết kế
- b) Thành phần bàn giao đưa vào sử dụng bao gồm:
- Người đại diện theo pháp luật: Ban QLDA, TVGS, Nhà thầu, Đơn vị quản lý
 - Giám sát trưởng, chỉ huy trưởng/giám đốc dự án

CÁC TÀI LIỆU LÀM CĂN CỨ NGHIỆM THU:

- 1- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- 2- Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- 3- Các thay đổi thiết kế (nếu có)
- 4- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.
- 5- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.
- 6- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- 7- Nhật ký thi công của Nhà thầu;
- 8- Các biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công xây dựng.
- 9- Hồ sơ hoàn công Bộ phận công trình xây dựng.
10. Biên bản xác nhận hiện trường công trình không khuyết tật/đã khắc phục sửa chữa khuyết tật.

3.8. Trách nhiệm, quyền hạn của TVGS:

3.8.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Giám sát trưởng:

- Tổ chức quản lý, điều hành toàn diện công tác giám sát thi công xây dựng theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, phù hợp với các nội dung của hợp đồng, phạm vi công việc được chủ đầu tư giao, hệ thống quản lý chất lượng và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Phân công công việc, quy định trách nhiệm cụ thể và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện giám sát thi công xây dựng của các giám sát viên;

- Thực hiện giám sát và ký biên bản nghiệm thu đối với các công việc phù hợp với nội dung chứng chỉ hành nghề được cấp trong trường hợp trực tiếp giám sát công việc xây dựng. Kiểm tra, rà soát và ký bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công xây dựng lập so với thực tế thi công theo quy định;

- Tham gia nghiệm thu và ký biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây dựng (nếu có), gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng. Từ chối nghiệm thu khi chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng không đáp ứng yêu cầu thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình; thông báo cho chủ đầu tư lý do từ chối nghiệm thu bằng văn bản;

- Chịu trách nhiệm trước tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện. Từ chối việc thực hiện giám sát bằng văn bản khi công việc xây dựng không tuân thủ quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Không chấp thuận các ý kiến, kết quả giám sát của các giám sát viên khi không tuân thủ giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công và biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;

- Đề xuất với chủ đầu tư bằng văn bản về việc tạm dừng thi công khi phát hiện bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, có khả năng gây sập đổ một phần hoặc toàn bộ công trình;

- Kiến nghị với chủ đầu tư về việc tổ chức quan trắc, thí nghiệm, kiểm định hạng mục công trình, công trình xây dựng trong trường hợp cần thiết và các nội dung liên quan đến thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có).

3.8.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các Giám sát viên khác:

- Thực hiện giám sát công việc xây dựng theo phân công của Giám sát trưởng phù hợp với nội dung chứng chỉ hành nghề được cấp. Chịu trách nhiệm trước Kỹ sư trưởng và pháp luật về các công việc do mình thực hiện;

- Giám sát công việc xây dựng theo giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công và biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt;

- Trực tiếp tham gia và ký biên bản nghiệm thu công việc xây dựng; kiểm tra, rà soát bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công xây dựng lập so với thực tế thi công đối với các công việc xây dựng do mình trực tiếp giám sát;

- Từ chối thực hiện các yêu cầu trái với hợp đồng xây dựng đã được ký giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật;

- Báo cáo kịp thời cho Giám sát trưởng về những sai khác, vi phạm so với giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, biện pháp thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt, hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu và quy định của pháp luật. Kiến nghị, đề xuất từ chối nghiệm thu công việc xây dựng với Giám sát trưởng bằng văn bản;

- Đề xuất với Giám sát trưởng bằng văn bản về việc tạm dừng thi công đối với trường hợp phát hiện bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, có khả năng gây sập đổ một phần hoặc toàn bộ công trình và thông báo kịp thời cho chủ đầu tư xử lý;

- Đề xuất, kiến nghị với Giám sát trưởng về việc tổ chức quan trắc, thí nghiệm, kiểm định hạng mục công trình, công trình xây dựng trong trường hợp cần thiết và các nội dung liên quan đến thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có).

4. Tư vấn giám sát hướng dẫn nhà thầu thực hiện và giải quyết:

4.1. Công tác chuẩn bị triển khai:

4.1.1. Công tác văn phòng:

Nhà thầu thi công phải đệ trình cho TVGS và Chủ đầu tư các văn bản sau:

- Quyết định thành lập Ban điều hành dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho Giám đốc điều hành dự án và các chức vụ khác của Nhà thầu, danh sách cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu trong đó phải bao gồm: Họ tên, năm sinh, trình độ chuyên môn, chức vụ, địa chỉ và số điện thoại để liên hệ;

- Thuê hoặc xây dựng văn phòng của Ban điều hành dự án, đội thi công sau đó thông báo cho TVGS và Chủ đầu tư bằng văn bản;

- Huy động Phòng Thí nghiệm hiện trường, trạm sản xuất bê tông nhựa báo TVGS kiểm tra, chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng. Lập đề cương công tác thí nghiệm trình TVGS kiểm tra, chấp thuận.

4.1.2. Công tác huy động máy móc thiết bị thi công, tập kết vật liệu:

- Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình ngoài hiện trường, Nhà thầu phải trình TVGS danh mục máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để phục vụ công tác thi công gói thầu.

- Khi thực hiện huy động máy móc thiết bị thi công tại công trình xây dựng nhà thầu phải báo TVGS kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. Các máy móc thiết bị phải đảm bảo các yếu tố sau:

+ Các máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động phải phù hợp với hồ sơ đề xuất/dự thầu và có tính năng sử dụng phù hợp với công việc triển khai thi công thực tế ngoài công trình, phù hợp với biện pháp thi công của nhà thầu đề xuất.

+ Nhà thầu phải xuất trình các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và các chứng nhận đăng kiểm của máy móc thiết bị được huy động.

+ Nhà thầu phải xuất trình các chứng nhận tay nghề hoặc bằng cấp, chứng chỉ đối với các lái xe, lái máy và công nhân sử dụng các máy móc thiết bị thi công.

- Đối với vật liệu đưa vào sử dụng cho công trình, nhà thầu phải trình TVGS danh mục các loại vật liệu, các mỏ vật liệu, các nguồn vật liệu mà nhà thầu dự kiến sẽ khai thác hoặc lấy để sử dụng cho công trình xem xét chấp thuận trước khi đưa vào thi công. Các vật liệu đưa vào phải đảm bảo các yếu tố sau:

+ Các vật liệu phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phải chứng nhận về mặt chất lượng của nhà sản xuất theo quy định;

+ Các nguồn vật liệu hoặc mỏ vật liệu phải đảm bảo trữ lượng khai thác và công suất sản xuất đủ để phục vụ thi công theo kế hoạch tiến độ thi công của Chủ đầu tư;

+ Cự ly của các nguồn vật liệu hoặc mỏ vật liệu không được quá xa so với công trường thi công để đảm bảo tính khả thi khi tập kết vật liệu theo yêu cầu tiến độ thi công của Chủ đầu tư.

+ Chất lượng của các loại vật liệu lấy tại các mỏ vật liệu, sau khi kiểm tra phải đảm bảo được yêu cầu về các chỉ tiêu cơ lý theo quy trình, quy phạm hiện hành.

- Đối với bãi thải sử dụng cho công trình: nhà thầu phải trình TVGS hồ sơ bãi thải bao gồm nhưng không giới hạn (danh mục, văn bản thỏa thuận, sơ đồ, chữ lượng).

4.1.3. Công tác giao nhận mặt bằng thi công:

Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

Khi nhận mặt bằng thi công, Nhà thầu phải chuẩn bị đủ người và thiết bị để thực hiện công tác giao nhận mặt bằng thi công từ Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế. Các nội dung chính khi nhận:

- + Mốc đường chuyền, mốc cao độ các cấp (GPS, đường chuyền cấp II,...);
- + Tất cả các cọc chi tiết theo hồ sơ thiết kế được duyệt;
- + Hiện trạng các công trình, hạng mục được tận dụng...

4.2. Công tác lập biện pháp tổ chức thi công:

Dựa trên hồ sơ thiết kế được duyệt, thực tế hiện trường và tiến độ thi công, năng lực từng đơn vị cũng như tiến độ của dự án, Nhà thầu tiến hành lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và biện pháp tổ chức thi công chi tiết trình TVGS xem xét và Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư chấp thuận trước khi triển khai các hạng mục xây dựng.

Trong biện pháp tổ chức thi công chi tiết cần nêu rõ:

- + Thời gian thi công theo hợp đồng;
- + Số mũi thi công;
- + Tiến độ thi công theo mùa (khô, mưa);
- + Số lượng thiết bị, nhân lực, cán bộ kỹ thuật cần thiết để đảm bảo đủ khả năng phục vụ cho dự án đảm bảo tiến độ;

+ Phải thể hiện rõ tiến độ từng hạng mục như trong hồ sơ thiết kế (chuẩn bị công địa thi công, cào bóc mặt đường cũ, chuẩn bị móng, tưới bảm, móng và mặt đường, bó vỉa, đan rãnh, lè, vạch sơn, hộ lan tôn lượn sóng...;

+ Phải chỉ rõ mô vật liệu, cũng như các cơ sở sản xuất các loại bê tông nhựa..., cũng như các nguồn gốc vật liệu dự kiến sử dụng cho dự án;

+ Phải nêu rõ biện pháp quản lý và kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công;

+ Phải nêu rõ biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, biện pháp công tác đảm bảo an toàn giao thông, hệ thống cọc tiêu biển báo, rào chắn và các công trình phụ tạm. Đặc biệt biện pháp đảm bảo an toàn giao thông phải được lập thành một hồ sơ riêng, trình để có sự chấp thuận của đơn vị quản lý vận hành tuyến đường được sửa chữa.

4.3. Công tác quản lý an toàn, môi trường:

Căn cứ vào giải pháp và tiến độ thi công mà Nhà thầu lập giải pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho từng hạng mục thi công trình trình TVGS xem xét và chấp thuận;

Trong trường hợp do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan có ảnh hưởng bất lợi tới công tác an toàn và vệ sinh môi trường trên công trường, Nhà thầu phải điều chỉnh lại cho phù hợp thực tế và trình TVGS chấp thuận lại.

4.4. Công tác triển khai thi công:

Trong quá trình triển khai dự án TVGS và Nhà thầu phải tuân thủ thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và các quy trình, quy phạm hiện hành. Trong quá trình triển khai dự án cần làm tốt các công tác sau:

4.4.1. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát và Nhà thầu thi công:

Trách nhiệm của TVGS và Nhà thầu là phải tiến hành thực hiện dự án theo đúng hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, hoàn thành công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ được duyệt. Trong quá trình thực hiện dự án phải tuân thủ pháp luật, các văn bản pháp quy của nhà nước, các quy trình quy phạm hiện hành, các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án.

4.4.2. Điều kiện để tiến hành thi công:

Nhà thầu chỉ tiến hành thi công khi có đủ các điều kiện sau:

- Có văn phòng Ban điều hành và trang thiết bị cần thiết được TVGS chấp thuận;
- Phòng thí nghiệm hiện trường đã được TVGS chấp thuận;
- Các nguồn vật liệu, bãi đổ thải được TVGS chấp thuận;
- Biện pháp tổ chức thi công tổng thể và biện pháp tổ chức thi công chi tiết;
- Huy động nhân lực, máy móc cần thiết đến hiện trường;
- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông được TVGS kiểm tra, Chủ đầu tư chấp thuận;
- Giấy phép thi công.

4.4.3. Công tác hiện trường:

- Trước khi đề nghị TVGS kiểm tra nghiệm thu bất kỳ hạng mục/công việc nào thì Nhà thầu phải tự kiểm tra chất lượng sau đó viết phiếu yêu cầu TVGS kiểm tra nghiệm thu

hạng mục/công việc đã thực hiện trước 20 giờ ngày hôm trước (trừ những công việc bất khả kháng) để TVGS có kế hoạch nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- + Phiếu yêu cầu TVGS kiểm tra nghiệm thu;
- + Biên bản trình TVGS nghiệm thu công việc xây dựng;
- + Các phụ lục đo đạc, kiểm tra chất lượng, cao độ, kích thước hình học, kết quả thí nghiệm, bản vẽ thi công đối với hạng mục/công việc được nghiệm thu (các tài liệu liên quan kèm theo);

- + Khối lượng dự kiến nghiệm thu;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu của Nhà thầu, căn cứ vào hồ sơ thiết kế được duyệt, chỉ dẫn và quy định kỹ thuật của dự án, các quy định trong quy trình quy phạm áp dụng cho Dự án, TVGS kiểm tra thủ tục yêu cầu và cùng Nhà thầu tiến hành kiểm tra tại hiện trường. Kết quả nghiệm thu phải được TVGS hiện trường đánh giá kết luận ngay sau khi kiểm tra nghiệm thu;

- Mẫu biểu sử dụng để nghiệm thu phù hợp với hướng dẫn tại văn bản số 6553/BGTVT-CQLXD ngày 29/6/2022 của Bộ GTVT về việc thống nhất mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán trong giai đoạn thực hiện dự án các dự án kết cấu hạ tầng giao thông. Nhà thầu, TVGS, Chủ đầu tư sử dụng 1 loại thống nhất từ đầu đến cuối dự án (Trừ khi có quy định khác của cấp có thẩm quyền);

- Số bộ các biên bản nghiệm thu (bao gồm các tài liệu phụ trợ kèm theo): Tối thiểu 10 bộ gốc;

- Nhật ký thi công: TVGS ban hành/chấp thuận mẫu, đóng dấu giáp lai giữa các trang. Trong quá trình thi công, Nhà thầu phải ghi và ký nhật ký thi công cho từng ngày thi công (Thời tiết, thiết bị, nhân công, vật liệu, vị trí thi công, hạng mục, tình trạng diễn biến công việc thi công...), TVGS ký xác nhận.

4.4.4. Công tác báo cáo:

- Nhà thầu phải lập kế hoạch thi công hàng ngày, báo cáo TVGS trước 20h00 của ngày hôm trước, để TVGS có kế hoạch kiểm tra & giám sát;

- Hàng tuần, hàng tháng, hoặc đột xuất khi có yêu cầu: Nhà thầu lập báo cáo và trình TVGS kiểm tra, xác nhận để có kết luận đánh giá về chất lượng và tiến độ, cũng như kế hoạch & tiến độ thi công tuần, tháng tiếp theo.

- Nội dung báo cáo phải chi tiết đầy đủ:

- + Tình hình thiết bị, nhân lực, vật liệu.

- + Khối lượng đã thực hiện.

- + Thời tiết.

- + Kế hoạch tuần tiếp theo.

- + Những khó khăn cần tháo gỡ trong quá trình thi công.

- + Đánh giá chất lượng tiến độ, giá trị đã thực hiện.

4.4.5. Công tác nghiệm thu thanh toán:

Theo tiến độ, giai đoạn thanh toán được quy định trong hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm tập hợp hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật trong tháng/đợt, lên bảng tính khối lượng trình TVGS kiểm tra nghiệm thu, xác nhận.

Khối lượng nghiệm thu thanh toán là khối lượng có trong hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Nội dung hồ sơ nghiệm thu Nhà thầu phải nộp bao gồm:

- + Tập hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hàng tháng;
- + Bảng tính khối lượng chi tiết được thực hiện trong tháng;
- + Lập hồ sơ thanh toán theo mẫu quy định tại nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021;
- + Các chứng chỉ thí nghiệm, kiểm tra chất lượng, bản vẽ hoàn công kèm theo.

5. Công tác kết thúc dự án:

5.1. Hồ sơ hoàn thành công trình:

Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình được lập (Theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ) bao gồm:

5.1.1. Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng:

- Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có);
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- Đề cương nhiệm vụ khảo sát và lập Dự án đầu tư xây dựng công trình/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các văn bản phê duyệt đề cương nhiệm vụ, thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở/BCKTKT;
- Đề cương nhiệm vụ thẩm tra Dự án đầu tư xây dựng công trình/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, các văn bản phê duyệt đề cương nhiệm vụ, Báo cáo kết quả thẩm tra;
- Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có);
- Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan;
- Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất;
- Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;
- Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu (Tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn thẩm tra);
- Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

5.1.2. Hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Đề cương nhiệm vụ khảo sát và thiết kế xây dựng, văn bản phê duyệt nhiệm vụ;
- Phương án kỹ thuật khảo sát, văn bản phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát;
- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, văn bản chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt, kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng, quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; Chi dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu;

- Văn bản chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.

- Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

5.1.3. Hồ sơ thẩm tra kết quả khảo sát, thiết kế và dự toán:

- Đề cương nhiệm vụ thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng, văn bản phê duyệt nhiệm vụ;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng;

- Văn bản chấp thuận nghiệm thu kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình;

5.1.4. Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình:

- Danh mục và Hồ sơ các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo), nhật ký thi công công trình;

- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình;

- Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công;

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận, giai đoạn thi công công trình trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục/công trình xây dựng đưa vào khai thác sử dụng;

- Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

- Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.

- Quy trình vận hành, khai thác, bảo trì công trình (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

+ Di dân, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

+ An toàn phòng cháy, chữa cháy; An toàn môi trường;

+ An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

+ Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

+ Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

+ Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;

+ Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan. ✍

- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);
- Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc kiểm tra và chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư (Theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP) nếu có;
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư;
- Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng;
- Bản vẽ hoàn công công trình.

* Lưu ý:

- Hồ sơ hoàn công phải sắp xếp theo từng hạng mục công trình như trên, nếu quá dày sẽ đóng thành các tập thứ i cùng loại. Hồ sơ hoàn công phải có dấu, chữ ký của:
 - + Dấu và chữ ký của nhà thầu thi công;
 - + TVGS phải ký trực tiếp vào tất cả các trang của Bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công.
- TVGS (thay mặt Chủ đầu tư) soát xét kỹ hồ sơ hoàn công trước khi giao nộp.
- Trách nhiệm thực hiện :
 - Đối với Chủ đầu tư: Thực hiện mục 5.1.1 , 5.1.2 và mục 5.1.3.
 - Đối với Nhà Thầu xây lắp: Thực hiện mục 5.1.4.
- Quy cách Hồ sơ quản lý chất lượng thi công công trình:
 - + Hồ sơ hoàn công được đóng thành từng quyển (tập) hoặc gộp (các bản vẽ) nhưng phải đánh số thứ tự, cho vào hộp cứng (theo mẫu/quy định của cục lưu trữ quốc gia). Ngoài bìa các hộp hoặc các tập phải được ghi rõ bằng mực không phai: Dự án, công trình, loại hồ sơ ...
 - + Bản chính, bản sao: Tối thiểu 03 bộ hồ sơ bản chính giao nộp cho Chủ đầu tư, các bộ còn lại là bản photocopy. Nhà thầu và TVGS nhân bản thêm bộ bản chính để phục vụ việc lưu trữ hồ sơ của mình;
 - + Bản gốc là bản có chữ ký gốc và dấu đỏ. Trường hợp không thể đủ điều kiện để có chữ ký và dấu đỏ của cấp ra văn bản đó, ký đóng dấu sao y bản chính/chứng thực sao y. Nhà thầu và TVGS phải tự lưu trữ tối thiểu 01 bộ bản gốc Hồ sơ quản lý chất lượng thi công công trình để phục vụ việc lưu trữ hồ sơ hoặc trình nộp các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

5.2. Công tác nghiệm thu đưa công trình xây dựng vào khai thác sử dụng:

Để tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình, TVGS phải hướng dẫn, kiểm tra Nhà thầu thi công chuẩn bị đầy đủ nội dung sau:

- + Biên bản kiểm tra nghiệm thu giữa TVGS và Nhà thầu thi công đối với toàn bộ các hạng mục trong hồ sơ thiết kế đã được thi công và đạt yêu cầu chất lượng;
- + Hồ sơ hoàn công lập đủ số lượng và nội dung theo yêu cầu quy định được Chủ đầu tư và TVGS nghiệm thu;

+ Biên bản kiểm tra hiện trường xác định có/không khuyết tật, đã khắc phục các khuyết tật nếu có giữa các bên: Nhà thầu, TVGS, đơn vị quản lý khai thác, đại diện chủ đầu tư;

+ Nhà thầu viết báo cáo quá trình thi công xây dựng và hoàn thành công trình;

+ TVGS viết báo cáo quá trình giám sát kiểm tra chất lượng công trình và hoàn thành công trình;

+ Nhà thầu có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng;

+ Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư, Nhà thầu, TVGS và đơn vị quản lý khai thác cùng kiểm tra, thống nhất bằng biên bản.

5.3. Công tác quyết toán công trình:

Thời gian thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành và quy định tại hợp đồng xây lắp được ký kết.

Nhà thầu tiến hành tính toán, lập khối lượng và giá trị quyết toán công trình - phần hợp đồng xây lắp, đệ trình TVGS, Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt.

TVGS tiến hành tính toán, lập khối lượng và giá trị quyết toán công trình - phần hợp đồng TVGS, đệ trình Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện: Đã được phê duyệt tại Quyết định 720/QĐ-VEC ngày 02/07/2025 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa hư hỏng mặt đường và hệ thống ATGT nút giao IC3, IC6, IC10, IC12 và các vị trí mặt đường bị hư hỏng thuộc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn quản lý khai thác tuyến đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai năm 2025 được xác định trong phương án tài chính dự án, tại quyết định số 3789/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016 và Quyết định số 2323/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải. Kế hoạch bố trí vốn: Được phê duyệt tại Quyết định số 1131/QĐ-VEC-HĐTV ngày 25/12/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc Phê duyệt kế hoạch Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và thu phí năm 2025 các tuyến đường cao tốc do VEC quản lý khai thác. *tu*